

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025
Hình thức đào tạo: Đại học hệ chính quy
(Điều chỉnh lần 2)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: HỌC VIỆN DÂN TỘC

Tên Tiếng Anh: Vietnam Academy for Ethnic Minorities, viết tắt là VAEM

2. Mã tuyển sinh: HVD

3. Địa chỉ trụ sở: Khu đô thị Dream Town, Đường 70, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội

(Địa chỉ cũ: Khu Đô thị Dream Town, Đường 70, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội).

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://hvdt.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0243.783.1662 (trong giờ hành chính);
0963.842.699; 0947.605.286; 0968.358.984

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <http://hvdt.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Học viện Dân tộc:
<http://hvdt.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (viết tắt là Bộ GD&ĐT) và của Học viện Dân tộc (viết tắt là Học viện), cụ thể như sau:

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Học viện tuyển sinh nhiều đợt với các phương thức như sau:

- Đợt 1: Theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Mã	Phương thức tuyển sinh
1	500	Tiếp nhận học sinh hệ dự bị đại học
2	301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển
3	402	Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
4	200	Xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
5	100	Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành.

- Đợt 2: Từ ngày 25/8/2025 đến 17h00 ngày 10/9/2025, phương thức xét tuyển chi tiết như bảng dưới đây:

STT	Mã	Phương thức tuyển sinh
1	200	Xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
2	100	Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành.

Sau khi kết thúc xét tuyển đợt 2, căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã được công bố, nhu cầu của thí sinh và năng lực đào tạo, Học viện có thể xét tuyển bổ sung nhiều đợt. Việc xét tuyển bổ sung nhiều đợt, nếu có, sẽ được Thông báo công khai, đúng quy định trên website của Học viện.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1 Đợt 1

* Ngưỡng đầu vào

- Phương thức xét tuyển 100: Tổng điểm của tổ hợp môn xét tuyển từ điểm thi tốt nghiệp THPT từ 15,0 điểm trở lên;

- Phương thức xét tuyển 200, 301, 500: Tổng điểm tổ hợp xét tuyển từ kết quả học tập cấp THPT (học bạ) từ 15,0 điểm trở lên;

- Phương thức 402:

+ Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của trường Đại học Sư phạm Hà

Nội (SPT) năm 2025 từ 15 điểm trở lên.

+ Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA) năm 2025 từ 50 điểm trở lên.

+ Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA) năm 2025 từ 75 điểm trở lên.

** Điểm trúng tuyển*

Điểm trúng tuyển của các phương thức được quy đổi về thang 30. Học viện quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển với phương thức 100 như sau:

a) Quy đổi theo Đại học Sư phạm Hà Nội giữa điểm tổ hợp SPT sang điểm Tốt nghiệp tốt nghiệp trung học phổ thông

	C00 SPT	C00 THPT	C03 SPT	C03 THPT	C04 SPT	C04 THPT	D01 SPT	D01 THPT
Top 3	26,07	29,58	22,85	27,00	23,45	27,50	25,12	
0,50%	24,90	29,25	21,55	26,75	22,15	27,25	22,80	27,75
1%	24,65	29,00	21,45	26,25	21,75	26,75	22,60	26,25
2%	24,15	28,75	21,15	25,75	21,20	26,25	21,90	26,00
5%	22,85	28,25	19,75	25,25	20,00	25,50	20,50	25,75
10%	22,20	28,00	18,90	24,50	19,40	24,75	19,55	24,75
15%	21,75	27,75	18,20	24,00	18,55	24,25	18,85	24,00
20%	21,15	27,50	17,90	23,75	18,25	24,00	18,20	23,50
25%	20,60	27,25	17,50	23,35	17,90	23,75	17,85	23,00
30%	20,60	27,25	16,90	23,00	17,60	23,50	17,20	22,75
35%	20,20	27,00	16,80	22,85	17,05	23,20	16,95	22,25
40%	19,70	26,75	16,45	22,60	16,45	22,85	16,55	22,00
45%	19,15	26,50	16,05	22,35	16,20	22,70	15,90	21,60
50%	18,75	26,25	15,70	22,10	15,85	22,50	15,65	21,25
55%	18,35	26,00	15,30	21,85	15,35	22,10	15,30	21,00
60%	18,00	25,75	14,80	21,60	14,90	21,85	14,90	20,75
65%	17,65	25,50	14,45	21,35	14,45	21,60	14,30	20,00
70%	17,30	25,25	14,00	21,10	14,20	21,35	14,05	19,75
75%	16,50	24,75	13,55	20,75	13,55	21,00	13,45	19,25
80%	16,10	24,50	13,15	20,45	13,15	20,60	12,95	18,85
85%	15,45	23,85	12,60	20,00	12,55	20,10	12,35	18,35

90%	14,55	23,10	11,85	19,35	11,85	18,50	11,65	17,75
95%	13,40	21,75	10,40	18,35	10,80	18,50	10,60	16,75
100%	7,90	13,35	6,25	12,45	7,15	12,40	5,40	9,75

b) Điểm đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA): Học viện lấy điểm sàn từ 75/150 tương đương 20,25 điểm thi tốt nghiệp:

Điểm HAS (thang 150)	Điểm ĐQĐNL quy đổi tương đương điểm thi TN THPT (thang điểm 30)	Điểm HAS (thang 150)	Điểm ĐQĐNL quy đổi tương đương điểm thi TN THPT (thang điểm 30)
≥130	30,00	102	24,50
129	27,75	101	24,26
128	27,66	100	24,25
127	27,57	99	24,00
126	27,55	98	24,00
125	27,52	97	23,75
124	27,50	96	23,52
123	27,27	95	23,50
122	27,26	94	23,25
121	27,25	93	23,02
120	27,05	92	23,00
119	27,00	91	22,75
118	26,75	90	22,70
117	26,75	89	22,50
116	26,52	88	22,26
115	26,50	87	22,25
114	26,27	86	22,00
113	26,25	85	21,75
112	26,00	84	21,75
111	25,76	83	21,50
110	25,75	82	21,35
109	25,52	81	21,25
108	25,50	80	21,02
107	25,27	79	21,00

106	25,25	78	20,75
105	25,00	77	20,54
104	24,76	76	20,50
103	24,75	75	20,25

c) Điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA): Học viện lấy điểm sàn từ 50/100 tương đương 21,35 điểm thi tốt nghiệp:

Điểm TSA (thang điểm 100)	Điểm ĐQĐTD quy đổi tương đương điểm thi TN THPT (thang điểm 30)
$50,00 \leq \text{TSA} \leq 50,99$	21,35
$51,00 \leq \text{TSA} \leq 51,99$	21,75
$52,00 \leq \text{TSA} \leq 52,99$	22,25
$53,00 \leq \text{TSA} \leq 53,99$	22,85
$54,00 \leq \text{TSA} \leq 54,99$	23,25
$55,00 \leq \text{TSA} \leq 55,99$	23,60
$56,00 \leq \text{TSA} \leq 56,99$	24,10
$57,00 \leq \text{TSA} \leq 57,99$	24,50
$58,00 \leq \text{TSA} \leq 58,99$	24,75
$59,00 \leq \text{TSA} \leq 59,99$	25,25
$60,00 \leq \text{TSA} \leq 60,99$	25,50
$61,00 \leq \text{TSA} \leq 61,99$	25,75
$62,00 \leq \text{TSA} \leq 62,99$	26,00
$63,00 \leq \text{TSA} \leq 63,99$	26,25
$64,00 \leq \text{TSA} \leq 64,99$	26,50
$65,00 \leq \text{TSA} \leq 65,99$	26,75
$66,00 \leq \text{TSA} \leq 66,99$	27,00
$67,00 \leq \text{TSA} \leq 68,99$	27,25
$69,00 \leq \text{TSA} \leq 69,99$	27,50
$70,00 \leq \text{TSA} \leq 71,99$	27,75
$72,00 \leq \text{TSA} \leq 73,99$	28,00
$74,00 \leq \text{TSA} \leq 74,99$	28,25
$75,00 \leq \text{TSA} \leq 76,99$	28,50
$77,00 \leq \text{TSA} \leq 79,99$	28,75
$80,00 \leq \text{TSA} \leq 82,99$	29,00
$83,00 \leq \text{TSA} \leq 84,99$	29,25

TSA $\geq$ 85,00	30,00
------------------	-------

d) Bảng quy đổi mức điểm giữa các phương thức xét tuyển mã 200, 301, 500 (thang điểm 30). Học viện lấy điểm sàn từ 15 điểm, tương đương 15 điểm thi tốt nghiệp:

Điểm học bạ (thang điểm 30)	Điểm quy đổi tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT (thang điểm 30)
15	15
16	16
17	17
18	18
19	19
20	20
21	21
22	22
23	23
24	24
25	25
26	26
27	27
28	28
29	29
30	30

3.2 Đợt 2

** Ngưỡng đầu vào*

- Phương thức xét tuyển 100: Tổng điểm của tổ hợp môn xét tuyển từ điểm thi tốt nghiệp THPT từ 16,0 điểm trở lên;

- Phương thức xét tuyển 200: Tổng điểm tổ hợp xét tuyển từ kết quả học tập cấp THPT (học bạ) từ 16,0 điểm trở lên;

** Điểm trúng tuyển*

Điểm trúng tuyển của các phương thức được quy đổi về thang 30. Học viện quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển với phương thức 100 như sau:

Bảng quy đổi mức điểm giữa các phương thức xét tuyển mã 200 (thang điểm 30): Học viện lấy điểm từ 16 điểm, tương đương 16 điểm thi tốt nghiệp:

Điểm học bạ (thang điểm 30)	Điểm quy đổi tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT (thang điểm 30)
16	16
17	17
18	18
19	19
20	20
21	21
22	22
23	23
24	24
25	25
26	26
27	27
28	28
29	29
30	30

3.3 Tuyển sinh bổ sung (nếu có):

Nếu còn chỉ tiêu, hoặc mở thêm mã ngành đào tạo mới, Học viện sẽ thông báo sau, nếu có tuyển sinh các đợt tiếp theo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)

4.1 Đợt 1

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh/tổ hợp xét tuyển
1		Kinh tế giáo dục vùng	7310101 (mã ngành)	Khoa học xã hội và		Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: C00, C03, C04, D01

2	TS2025	dân tộc thiểu số	thí điểm)	hành vi	120	Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT, gồm các tổ hợp: C00, C03, C04, D01
3						Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, gồm các tổ hợp: C00, C03, C04, D01
4						Tiếp nhận thí sinh dự bị theo quy định, gồm các tổ hợp: C00, C03, C04, D01
5						Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, gồm các tổ hợp: C00, C03, C04, D01
	Tổng cộng				120	05

4.2 Đợt 2 (dự kiến)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh/tổ hợp xét tuyển
1	TS2025	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101 (mã ngành thí điểm)	Khoa học xã hội và hành vi	70	Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: C00, C03, C04, D01

2						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT, gồm các tổ hợp: C00, C03, C04, D01
	Tổng cộng				70	02

4.3 Tuyển sinh các đợt bổ sung (nếu có)

Học viện sẽ thông báo các đợt tuyển sinh tiếp theo trên website Học viện theo quy định, nếu có.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Học viện

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Học viện không tổ chức sơ tuyển, không áp dụng thêm tiêu chí phụ trong xét tuyển ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Học viện.

5.2. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 03 điểm đối với thang điểm 30).

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo đối với mã tuyển sinh

Năm 2025, Học viện chỉ tuyển sinh đào tạo đại học hệ chính quy (đại trà), không tổ chức tuyển sinh chương trình đào tạo tiên tiến hoặc chất lượng cao nên không đưa ra các tiêu chí đánh giá phân ngành.

5.4. Các thông tin khác

- Học viện thực hiện xét tuyển theo ngành, các phương thức xét tuyển được quy đổi theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo thông báo của Học viện; lấy từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng giữa các thí sinh.

- Điểm xét tuyển theo thang 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Đối với thí sinh được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 về Quy chế thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025;

nếu xét bằng tổ hợp có môn ngoại ngữ, Học viện sẽ quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ sang điểm tương đương để tính vào tổ hợp xét tuyển. Việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ sang điểm số tương đương sẽ được Học viện công bố trong Thông báo tuyển sinh.

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025, Học viện thực hiện xét tuyển theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Học viện.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian nhận hồ sơ

** Đợt 1:*

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo thông báo của Học viện.

** Đợt 2:* Học viện nhận hồ sơ tuyển sinh đợt 2 từ 17 giờ, ngày 30/8/2025 đến 17 giờ ngày 10/9/2025. Số lượng, phương thức, hồ sơ tuyển sinh, Học viện sẽ Thông báo trên website của Học viện: <http://hvd.edu.vn>.

** Đợt bổ sung tiếp theo (nếu có):* Học viện sẽ Thông báo trên website của Học viện: <http://hvd.edu.vn>.

6.2. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

** Đợt 1:*

Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển có thể thực hiện theo các cách sau:

- Thí sinh đăng ký qua hệ thống trực tuyến của Học viện tại website: <http://hvd.edu.vn>; hoặc Email: phongdaotao@hvd.edu.vn

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ tại Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Học viện Dân tộc (Khu đô thị Dream Town, Đường 70, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội).

** Đợt 2 và các đợt tuyển bổ sung tiếp theo (nếu có):*

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ tại Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Học viện Dân tộc (Khu đô thị Dream Town, Đường 70, Phường Xuân Phương, Hà Nội).

6.3. Các điều kiện xét tuyển

Các điều kiện sau đây được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào Học viện:

** Đợt 1:*

(1) Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

a) Điều kiện tham gia xét tuyển:

- Tính đến thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định

b) Điểm xét tuyển, gồm:

- Tính điểm xét kết quả học tập ở THPT (học bạ) của 06 học kỳ: Điểm trung bình năm học (lớp 10, lớp 11, lớp 12) của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 15,0 điểm trở lên.

- Công thức tính điểm theo hình thức sau:

Điểm xét tuyển = [(Điểm trung bình năm học môn 1 + Điểm trung bình năm học môn 2 + Điểm trung bình năm học môn 3)/6 kỳ] + điểm ưu tiên (nếu có).

c) Hồ sơ xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh tải mẫu phiếu đăng ký xét tuyển tại <https://hvd.edu.vn>)

Bản sao Học bạ THPT, Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (có công chứng).

d) Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu, điểm xét tuyển lấy đến 01 chữ số thập phân (đã được làm tròn) để xét tuyển theo thứ tự nguyện vọng từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất)

(2) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

a) Điều kiện tham gia xét tuyển

- Dự kỳ thi tốt nghiệp THPT; không có bài thi/môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 (một) điểm trở xuống, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

b) Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm 3 bài thi/môn thi THPT (3 bài thi/môn thi theo tổ hợp đăng ký xét tuyển)] + Điểm ưu tiên (nếu có).

c) Hồ sơ xét tuyển

Đăng ký trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

d) Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu, điểm xét tuyển lấy đến 1 chữ số thập phân (đã được làm tròn) để xét tuyển theo thứ tự nguyện vọng từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

(3) Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Học viện sẽ có thông báo sau.

(4) Tiếp nhận học sinh hệ dự bị đại học thực hiện theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021.

(5) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

** Đợt 2 và các đợt tuyển bổ sung (nếu có):*

Phương thức xét tuyển bằng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) và xét kết quả thi tốt nghiệp THPT được thực hiện như Đợt 1.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên chung

Học viện áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm; khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm; khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng từ 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$$

Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp

7.2. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

Học viện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và theo quy định của Học viện.

8. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện.

9. Học viện thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Học viện.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

10.1. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Tuyển sinh đợt 01 theo lịch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.
- Tuyển sinh đợt 2 và các đợt tuyển sinh tiếp theo (nếu có): Theo Thông báo trên website của Học viện và theo quy định hiện hành.

10.2. Thông tin về học phí

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh không quá: 10.000.000 đồng/sinh viên/năm.

Mức thu học phí năm học 2025 - 2026: Thực hiện theo Điểm a, Khoản 2, Điều 11 (Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ. Lộ trình tăng học phí thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT.

10.3. Chế độ chính sách

Học viện thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện chính sách theo các quy định của Bộ GD&ĐT và của pháp luật hiện hành.

11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành , nhóm ngành	Tổ hợp xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	TS2023 TS2024	Ngành Kinh tế giáo dục vùng DTTS	7310101 (Cấp thí điểm)	Khoa học xã hội và hành vi	- C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí) - C03 (Ngữ văn, Toán, Lịch sử) - C04 (Ngữ văn, Toán, Địa lí) - D01 (Ngữ văn, Toán,	50	31	15	50	47	18

					Tiếng Anh)						
--	--	--	--	--	------------	--	--	--	--	--	--

Cán bộ tuyển sinh
Âu Thị Tân
Số điện thoại: 0968.358.984
Email: tanat@hvdt.edu.vn

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Trần Trung